

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 3 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Lưu Công Nguyên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hà Thanh Hải.

Ông Hà Thanh Hải đã ủy quyền cho Ông Lê Thanh Sơn ký báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ/CTIN ngày 19 tháng 3 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thanh Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 463 /VACO/BCKi.T.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 38 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là “báo cáo tài chính tổng hợp”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để xác định tính hiện hữu, đầy đủ và giá trị của khoản công nợ phải trả Công ty Star Excellence tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị khoảng 11 tỷ VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu của khoản mục “Phải trả người bán ngắn hạn” và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.208.425.515.711	1.223.020.256.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	97.331.602.058	203.273.189.687
1. Tiền	111		77.331.602.058	92.873.189.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	110.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.032.046.620.830	824.012.370.466
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	969.014.845.937	671.517.356.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	22.296.996.605	119.541.333.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	42.768.289.402	34.515.233.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.033.511.114)	(1.561.553.315)
III. Hàng tồn kho	140	8	61.350.575.477	177.112.900.361
1. Hàng tồn kho	141		62.238.738.055	178.001.062.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(888.162.578)	(888.162.578)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.696.717.346	18.621.795.832
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	17.696.717.346	11.200.533.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.542.960.578
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	17	-	1.878.301.575
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.805.940.318	230.722.054.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.370.963.477	1.456.065.109
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.370.963.477	1.456.065.109
II. Tài sản cố định	220		138.331.746.498	127.128.030.907
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.514.478.845	42.589.538.116
- Nguyên giá	222		195.608.795.372	187.389.815.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.094.316.527)	(144.800.277.177)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	82.817.267.653	84.538.492.791
- Nguyên giá	228		87.623.586.394	87.623.586.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.806.318.741)	(3.085.093.603)
III. Bất động sản đầu tư	230	12	9.910.252.224	10.321.402.909
- Nguyên giá	231		18.714.920.748	16.355.372.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.804.668.524)	(6.033.969.719)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.825.185.838	12.403.911.938
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	10.825.185.838	12.403.911.938
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	64.571.024.000	64.764.200.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.374.000.000	66.374.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.802.976.000)	(1.609.800.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.796.768.281	14.648.443.247
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	7.796.768.281	14.648.443.247
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.441.231.456.029	1.453.742.310.456

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		798.152.736.426	791.467.287.089
I. Nợ ngắn hạn	310		795.160.959.770	790.330.478.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	421.838.782.450	326.410.935.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.085.082.354	10.628.380.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	16.849.570.987	3.037.407.329
4. Phải trả người lao động	314		15.647.049.159	11.976.814.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	8.983.092.033	26.947.532.628
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	7.710.305.020	11.130.268.854
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	34.470.914.337	29.720.784.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	276.040.700.893	346.002.680.093
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	2.463.430.686	8.630.547.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.072.031.851	15.845.126.144
II. Nợ dài hạn	330		2.991.776.656	1.136.808.318
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	371.310.125	778.215.900
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	2.620.466.531	358.592.418
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		643.078.719.603	662.275.023.367
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	643.078.719.603	662.275.023.367
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		221.800.822.639	240.997.126.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		206.876.799.447	222.106.600.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.924.023.192	18.890.525.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.441.231.456.029	1.453.742.310.456



Lê Thanh Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.495.874.871.666	1.293.296.167.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.495.874.871.666	1.293.296.167.260
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	1.381.470.861.374	1.212.348.855.350
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		114.404.010.292	80.947.311.910
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.189.646.683	72.985.742.955
7. Chi phí tài chính	22	28	34.032.754.161	33.561.026.002
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		27.846.094.698	16.864.364.163
8. Chi phí bán hàng	25	29	41.994.295.197	32.100.371.899
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	42.568.905.074	47.153.114.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.997.702.543	41.118.542.592
11. Thu nhập khác	31	31	16.624.122.216	16.122.144.288
12. Chi phí khác	32	32	6.587.725.961	34.308.205.436
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.036.396.255	(18.186.061.148)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.034.098.798	22.932.481.444
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	5.110.075.606	4.041.955.942
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.924.023.192	18.890.525.502
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	463,69	531,06



Lê Thanh Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.034.098.798	22.932.481.444
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	12.507.056.747	12.654.968.862
- Các khoản dự phòng	03	(2.890.280.090)	611.440.730
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(511.157.323)	8.117.466.647
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.124.439.348)	(53.997.493.636)
- Chi phí lãi vay	06	27.846.094.698	16.864.364.163
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	51.861.373.482	7.183.228.210
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(204.526.966.186)	173.459.539.589
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	115.762.324.884	242.360.812.103
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	88.711.548.413	(403.708.472.688)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	355.491.299	(12.191.814.825)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.130.176.265)	(14.479.180.716)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.856.478.842)	(5.879.427.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	56.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.708.423.097)	(5.972.025.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.468.693.688	(19.170.641.737)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.950.497.702)	(4.313.289.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	427.272.727	60.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.183.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	25.929.259.900
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.318.955.936	7.791.649.527
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.204.269.039)	24.284.619.994
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	736.426.317.935	515.570.801.931
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(806.388.297.135)	(719.995.747.096)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.176.950.452)	(52.778.424.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.138.929.652)	(257.203.370.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(105.874.505.003)	(252.089.391.867)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	203.273.189.687	455.350.701.342
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(67.082.626)	11.880.212
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	97.331.602.058	203.273.189.687



Lê Thanh Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100683374 cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 12 năm 2001 và sửa đổi lần thứ 18 vào ngày 14 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 321.850.000.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ICT.

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 376 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 480 người).

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình, đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet, sản xuất trong lĩnh vực viễn thông;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo công nghệ viễn thông, đào tạo công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), các thiết bị trong ngành truyền hình, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông, dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: Sản xuất thiết bị bảo vệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị bảo vệ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: Đầu tư sản xuất máy tính, sản xuất trong lĩnh vực tin học;
- Lập trình máy vi tính: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính: Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hạ tầng viễn thông, các trung tâm dữ liệu (Data Center), xây lắp công trình viễn thông;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ thanh toán;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: cung cấp các các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: đại lý xổ số, bán lẻ vé số (bán lẻ qua đại lý hưởng hoa hồng);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Công thông tin: Hoạt động thương mại điện tử, thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; thiết bị điện tử và quang học; thiết bị điện;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Sản xuất linh kiện điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng;
- Xuất bán phần mềm;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất điện: sản xuất điện năng lượng mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện.

Hoạt động chính

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (Chi nhánh Hồ Chí Minh): Hạch toán độc lập.
- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại Đà Nẵng: Hạch toán độc lập.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Công ty đã trình bày lại khoản mục Bất động sản đầu tư đối với giá trị diện tích văn phòng cho thuê như trình bày tại Thuyết minh số 12, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
1. Tài sản cố định hữu hình	221	52.910.941.025	(10.321.402.909)	42.589.538.116
- Nguyên giá	222	203.745.187.921	(16.355.372.628)	187.389.815.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(150.834.246.896)	6.033.969.719	(144.800.277.177)
3. Bất động sản đầu tư	230	-	10.321.402.909	10.321.402.909
- Nguyên giá	231	-	16.355.372.628	16.355.372.628
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(6.033.969.719)	(6.033.969.719)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm báo cáo tài chính của văn phòng và báo cáo tài chính của các chi nhánh. Các giao dịch và số dư giữa văn phòng và các chi nhánh được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định của Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Khung khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong 25 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ kết chuyển công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá ba năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi số bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Chi phí phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các chi phí trích trước chi phí cho các dự án của Công ty và chi phí lãi vay.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án thi công của Công ty.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản dựa trên phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty dựa trên bản chất của các mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các mối quan hệ đó.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam
(bao gồm cả các công ty con, đơn vị hạch toán phụ thuộc)
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt
Công ty Cổ phần ITTA
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	220.715.222	413.832.908
Tiền gửi ngân hàng	77.110.886.836	92.459.356.779
Các khoản tương đương tiền (i)	20.000.000.000	110.400.000.000
Cộng	97.331.602.058	203.273.189.687

Ghi chú:

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất 3,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	331.696.453.307	325.659.850.324
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	330.948.334.381	324.709.207.902
Công ty Cổ phần ITTA	745.267.726	948.147.622
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	2.851.200	2.494.800
<i>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	637.318.392.630	345.857.505.844
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	327.183.758.679	132.093.444.993
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	81.303.054.602	138.458.619.217
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	59.196.490.850	10.639.212.600
Cục Bưu điện Trung ương	51.134.211.890	8.082.500.250
Các đối tượng khác	118.500.876.609	56.583.728.784
Cộng	969.014.845.937	671.517.356.168

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Hạnh Minh	21.917.690.966	4.813.318.620
Payorbit Pte., Ltd	-	97.365.382.500
Ponticulus., Ltd	-	5.243.545.980
Các đối tượng khác	379.305.639	12.119.086.591
Cộng	22.296.996.605	119.541.333.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	42.768.289.402	-	34.515.233.922	-
Tạm ứng	1.771.021.789	-	1.492.148.904	-
Ký cược, ký quỹ	115.235.357	-	554.046.566	-
Các khoản phải thu khác	40.882.032.256	-	32.469.038.452	-
<i>Phải thu về hoạt động đối soát thanh toán Vietlott (i)</i>	<i>21.241.636.899</i>	-	<i>11.069.473.906</i>	-
<i>Phải thu về cổ tức được nhận</i>	-	-	<i>482.940.000</i>	-
<i>Phải thu về chuyển nhượng vốn góp - Công ty TNHH Trí tuệ số Việt VDC (ii)</i>	<i>17.633.753.798</i>	-	<i>20.070.740.100</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.006.641.559</i>	-	<i>845.884.446</i>	-
b) Dài hạn	1.370.963.477	-	1.456.065.109	-
Ký cược, ký quỹ	1.370.963.477	-	1.456.065.109	-

Ghi chú:

- (i) Công ty liên danh cùng Tổng Công ty Truyền thông (VNPT - MEDIA) và Tổng Công ty Viễn thông Mobifone làm Đại lý Xổ số tự chọn số điện toán qua điện thoại di động cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam theo các Hợp đồng số 01/2020/HĐĐLĐT/VIETLOTT-MOBIFONE-CTIN ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng số 02/2020/HĐĐLĐT/VIETLOTT-VNPTMEDIA-CTIN ngày 19 tháng 12 năm 2020. Số dư Phải thu khác là số tiền nộp mua hạn mức cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam và phải thu về các công ty ví điện tử về hoạt động bán vé Vietlott.
- (ii) Phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	742.804.074	-	1.206.039.266	-
Công cụ, dụng cụ	42.961.226	-	44.267.985	-
Chi phí SXKD dở dang	31.995.124.704	-	119.367.200.176	-
Thành phẩm	163.223.443	(41.477.074)	163.223.443	(41.477.074)
Hàng hoá	29.294.624.608	(846.685.504)	57.220.332.069	(846.685.504)
Cộng	62.238.738.055	(888.162.578)	178.001.062.939	(888.162.578)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.696.717.346	11.200.533.679
Chi phí chờ kết chuyển	17.696.717.346	11.200.533.679
b) Dài hạn	7.796.768.281	14.648.443.247
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 01 năm)	7.796.768.281	14.648.443.247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

10. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	29.426.596.836	42.340.689.622	17.012.933.662	19.290.313.368	79.319.281.805	187.389.815.293
Mua sắm mới	-	16.467.906.252	3.198.867.071	318.184.000	3.314.664.330	23.299.621.653
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.165.964.000)	-	(10.555.129.454)	(12.721.093.454)
Phân loại lại sang BĐS đầu tư	(2.359.548.120)	-	-	-	-	(2.359.548.120)
Số cuối năm	27.067.048.716	58.808.595.874	18.045.836.733	19.608.497.368	72.078.816.681	195.608.795.372
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
Số đầu năm	16.117.911.971	26.247.470.417	9.700.940.383	18.422.302.168	74.311.652.238	144.800.277.177
Khấu hao trong năm	930.450.964	4.276.863.305	1.728.826.357	360.842.433	2.834.633.646	10.131.616.705
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.165.964.000)	-	(10.555.129.454)	(12.721.093.454)
Phân loại lại sang BĐS đầu tư	(2.116.483.901)	-	-	-	-	(2.116.483.901)
Số cuối năm	17.048.362.935	30.524.333.722	9.263.802.740	18.783.144.601	66.591.156.430	140.094.316.527
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	13.308.684.865	16.093.219.205	7.311.993.279	868.011.200	5.007.629.567	42.589.538.116
Số cuối năm	10.018.685.781	28.284.262.152	8.782.033.993	825.352.767	5.487.660.251	55.514.478.845

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 105.909.248.193 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 117.071.099.249 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của tài sản gắn liền đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở là 587.147.870 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 979.165.066 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394
Số cuối năm	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số đầu năm	3.085.093.603	-	3.085.093.603
Khấu hao trong năm	1.721.225.138	-	1.721.225.138
Số cuối năm	4.806.318.741	-	4.806.318.741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	10.473.644.767	74.064.848.024	84.538.492.791
Số cuối năm	8.752.419.629	74.064.848.024	82.817.267.653

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	16.355.372.628	16.355.372.628
Phân loại lại	2.359.548.120	2.359.548.120
Số cuối năm	18.714.920.748	18.714.920.748
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số đầu năm	6.033.969.719	6.033.969.719
Khấu hao trong năm	654.214.904	654.214.904
Phân loại lại	2.116.483.901	2.116.483.901
Số cuối năm	8.804.668.524	8.804.668.524
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	10.321.402.909	10.321.402.909
Số cuối năm	9.910.252.224	9.910.252.224

Bất động sản đầu tư bao gồm:

- + 1.711 m2 (gồm tầng 3+ 4 Tòa nhà 4 tầng, tầng 2+3 Tòa nhà nhà 3 tầng) tại ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- + 1.948 m2 của Tòa nhà văn phòng 8 tầng tại 435 Hoàng Văn Thụ, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.269.310.500 VND.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị còn lại của tài sản gắn liền đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở là 243.064.220 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày cuối năm chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>10.825.185.838</i>	<i>10.825.185.838</i>	<i>12.403.911.938</i>	<i>12.403.911.938</i>
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	10.825.185.838	10.825.185.838	12.403.911.938	12.403.911.938
<u>Trong đó:</u>				
Dự án MobileID cho Vinaphone (i)	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449
Đầu tư hệ thống CDN- VNPT với VNNS	1.924.740.000	1.924.740.000	-	-
Dự án xây dựng lắp đặt khác	585.111.389	585.111.389	4.088.577.489	4.088.577.489

Ghi chú:

- (i) Dự án đang triển khai, được Công ty đầu tư hình thành tài sản cố định nhằm mục đích cho thuê lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	66.374.000.000	(1.802.976.000)		66.374.000.000	(1.609.800.000)	
Đầu tư vào đơn vị khác	66.374.000.000	(1.802.976.000)		66.374.000.000	(1.609.800.000)	
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	22.500.000.000	-	(i)	22.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	20.000.000.000	-	(i)	20.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông HN	12.000.000.000	-	(i)	12.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam (ii)	8.049.000.000	(1.802.976.000)	6.246.024.000	8.049.000.000	(1.609.800.000)	6.439.200.000
Công ty CP ITTA	3.200.000.000	-	(i)	3.200.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	(i)	625.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào cổ phiếu theo quy định hiện hành. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch trên thị trường chứng khoán tại ngày 29 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Tp. Hà Nội	19,00%	19,00%	Thương mại
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Tp. Hà Nội	14,20%	14,20%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam	Tp. Hà Nội	2,20%	2,20%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ITTA	Tp. Hà Nội	18,88%	18,88%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	Tp. Hà Nội	2,50%	2,50%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>a) Phải trả ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>125.463.930</i>	<i>125.463.930</i>	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội (HTE)	125.463.930	125.463.930	-	-
<i>b) Phải trả ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	<i>421.713.318.520</i>	<i>421.713.318.520</i>	<i>326.410.935.756</i>	<i>326.410.935.756</i>
Công ty Cổ phần Viễn thông Vinasa Việt Nam	222.249.013.167	222.249.013.167	27.974.708.624	27.974.708.624
Payorbit Pte., Ltd	88.750.972.299	88.750.972.299	-	-
Ciena Communications, Inc.	23.717.404.610	23.717.404.610	-	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ FSI	12.901.460.782	12.901.460.782	-	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	8.688.900.802	8.688.900.802	4.774.639.352	4.774.639.352
Công ty Cổ phần ZME	6.619.542.930	6.619.542.930	5.175.908.980	5.175.908.980
Công ty Star Excellence	11.080.578.173	11.080.578.173	10.767.633.202	10.767.633.202
Huawei International Pte Ltd	-	-	188.004.834.712	188.004.834.712
Ericsson AB	-	-	21.261.748.492	21.261.748.492
Công ty TNHH ACE Antenna	221.390.768	221.390.768	14.497.512.133	14.497.512.133
Các đối tượng khác	47.484.054.989	47.484.054.989	53.953.950.261	53.953.950.261
Cộng	421.838.782.450	421.838.782.450	326.410.935.756	326.410.935.756

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Công nghệ mạng và truyền thông (Infonet)	789.146.078	789.146.078
Tổng Cục Thuế	574.970.000	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức. TP Cần Thơ	490.500.000	-
Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	-	3.766.543.200
Các đối tượng khác	230.466.276	6.072.691.550
Cộng	<u>2.085.082.354</u>	<u>10.628.380.828</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ phải thu trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/ thực thu trong</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	656.664.854	17.475.081.031	7.152.702.484	10.979.043.401
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	47.697.032.251	47.697.032.251	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	23.394.091	23.394.091	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.181.801.786	5.110.075.606	2.856.478.842	4.435.398.550
Thuế thu nhập cá nhân	21.065.614	2.879.850.226	2.817.872.984	83.042.856
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	131.041.088	131.041.088	-
Các loại thuế khác	177.875.075	15.762.211.391	14.588.000.286	1.352.086.180
Cộng	<u>3.037.407.329</u>	<u>89.078.685.684</u>	<u>75.266.522.026</u>	<u>16.849.570.987</u>
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	102.392.558	102.392.558	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.775.909.017	1.775.909.017	-	-
Cộng	<u>1.878.301.575</u>	<u>1.878.301.575</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí thuê ngoài phục vụ dự án	8.787.681.530	18.188.785.073
Trích trước chi phí lãi vay	195.410.503	3.716.478.375
Chi phí trích trước khác	-	5.042.269.180
Cộng	<u>8.983.092.033</u>	<u>26.947.532.628</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là số tiền Công ty đã nhận trước tiền cho thuê mặt bằng, Inbuildings; dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	34.470.914.337	29.720.784.671
Kinh phí công đoàn, các khoản trích theo lương	2.698.004.962	2.369.874.968
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.592.790	269.880.015
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.259.855.413	1.251.805.865
Khách hàng đặt cọc nộp tiền vào tài khoản để sử dụng dịch vụ của Vietlot	17.974.698.945	13.372.008.174
Phải trả về hoa hồng đại lý và trả thưởng	3.729.879.941	4.883.959.460
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.037.882.286	7.573.256.189
b) Dài hạn	371.310.125	778.215.900
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	371.310.125	778.215.900

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả ngắn và dài hạn là khoản dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án Công ty thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	276.040.700.893	276.040.700.893	736.426.317.935	806.388.297.135	346.002.680.093	346.002.680.093
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	-	-	165.015.587.448	356.160.137.106	191.144.549.658	191.144.549.658
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (ii)	130.757.187.369	130.757.187.369	239.718.176.912	195.184.909.643	86.223.920.100	86.223.920.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	143.935.562.524	143.935.562.524	176.809.568.517	32.874.005.993	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng	-	-	-	68.634.210.335	68.634.210.335	68.634.210.335
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	1.347.951.000	1.347.951.000	3.449.067.340	2.101.116.340	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	151.433.917.718	151.433.917.718	-	-

Ghi chú:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng với hạn mức là 800.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch với hạn mức: 600.000.000.000 VND, mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh truyền thống (sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và phần mềm). Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất (Nhà làm việc 4 tầng) tại địa chỉ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với hạn mức 800.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với hạn mức với hạn mức là 20.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	280.793.672.972	702.071.569.936
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.890.525.502	18.890.525.502
Trả cổ tức	-	-	-	(53.105.250.000)	(53.105.250.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.581.822.071)	(5.581.822.071)
Số dư cuối năm trước	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	240.997.126.403	662.275.023.367
Số dư đầu năm nay	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	240.997.126.403	662.275.023.367
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.924.023.192	14.924.023.192
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(32.185.000.000)	(32.185.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.798.378.028)	(1.798.378.028)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(136.948.928)	(136.948.928)
Số dư cuối năm nay	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	221.800.822.639	643.078.719.603

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023. Chi tiết:
- Chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10 %/Vốn điều lệ, giá trị là 32.185.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông.
 - Trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 9,52% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, giá trị là 1.798.378.028 VND. Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 136.948.928 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Tình hình góp vốn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Cổ đông tổ chức	103.529.790.000	103.626.480.000
Cổ đông cá nhân	218.320.210.000	218.223.520.000
Cộng	321.850.000.000	321.850.000.000

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
+ USD	273,45	23.661,40
+ EUR	213,63	224,11

25. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.321.080.907.492	1.118.222.138.792
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.793.964.174	175.074.028.468
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.495.874.871.666	1.293.296.167.260

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.227.474.348.151	1.052.027.255.013
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	153.996.513.223	160.321.600.337
Cộng	1.381.470.861.374	1.212.348.855.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.473.048.621	4.581.706.636
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.463.038.594	15.976.612.109
Chiết khấu thanh toán	7.029.441.468	3.071.637.210
Cổ tức nhận được chia	2.224.118.000	3.355.787.000
Lãi chuyển nhượng vốn góp	-	46.000.000.000
Cộng	14.189.646.683	72.985.742.955

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.846.094.698	16.864.364.163
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.956.617.126	9.388.706.934
Phí LC ngân hàng, phí bảo lãnh	4.034.486.196	5.478.478.542
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	193.176.000	1.609.800.000
Chi phí tài chính khác	2.380.141	219.676.363
Cộng	34.032.754.161	33.561.026.002

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	24.987.838.083	25.150.500.264
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.352.798.917	1.364.172.842
Thuế, phí và lệ phí	1.129.236.303	1.181.581.090
Chi phí dự phòng	471.957.799	1.561.553.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.522.038.359	3.125.042.760
Chi phí bằng tiền khác	11.105.035.613	14.770.264.101
Cộng	42.568.905.074	47.153.114.372
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	15.172.118.707	14.082.374.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.219.919.144	100.163.748
Chi phí bảo hành	8.828.343.411	7.850.914.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.824.514.187	1.921.327.519
Chi phí bằng tiền khác	12.949.399.748	8.145.591.747
Cộng	41.994.295.197	32.100.371.899

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.888.090.620	13.537.235.372
Chi phí nhân công	71.817.154.934	96.221.810.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.463.938.287	12.654.968.862
Trích lập/(Hoàn) nhập dự phòng	(3.024.232.085)	1.561.553.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.187.854.795	195.036.195.026
Chi phí khác bằng tiền	27.145.635.960	45.935.304.560
Cộng	<u>234.478.442.511</u>	<u>364.947.068.056</u>

31. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thường doanh số	5.025.001.883	5.319.542.434
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.319.382.619	6.754.532.892
Chi phí hoàn nhập bảo hành công trình	6.471.684.059	-
Thanh lý xe ô tô	427.272.727	60.000.000
Thu nhập khác	3.380.780.928	3.988.068.962
Cộng	<u>16.624.122.216</u>	<u>16.122.144.288</u>

32. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.321.247.316	33.697.072.881
Chi phí khác	266.478.645	611.132.555
Cộng	<u>6.587.725.961</u>	<u>34.308.205.436</u>

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.110.075.606	3.181.801.786
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	860.154.156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.034.098.798	22.932.481.444
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.438.907.317	(7.023.472.515)
+ (Lãi)/ Lỗ CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm nay	(384.797.977)	(958.609.908)
+ Lãi/(lỗ) CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm trước	958.609.908	78.749.174
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế (i)	(2.224.118.000)	(12.066.026.987)
+ Trừ: Khoản điều chỉnh giảm khác	(4.324.897.978)	-
+ Cộng: Chi phí không được trừ	11.414.111.364	5.922.415.206
- Chi phí lãi vay không được trừ	11.009.704.467	-
- Chi phí không được trừ khác	404.406.897	5.922.415.206
Thu nhập chịu thuế	25.473.006.115	15.909.008.929
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	15.474.383	860.154.156
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.110.075.606	4.041.955.942

Ghi chú:

(i) Thu nhập không chịu thuế là cổ tức và lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Trong năm, ngoài các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế nêu trên, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. CHI PHÍ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN ĐƯỢC CHUYỂN

Chi phí lãi vay

Tổng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong từng năm tài chính được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ. Phần chi phí lãi vay không được trừ (tương ứng mức vượt 30% nêu trên) được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản chi phí lãi vay có thể sử dụng để chuyển sang các năm tài chính trong tương lai với chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay không được khấu trừ năm nay, chuyển sang các năm tiếp theo	11.009.704.467	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

34. CHI PHÍ LÃI VAY VÀ THỜI GIAN ĐƯỢC CHUYỂN (TIẾP THEO)

Chi phí lãi vay (Tiếp theo)

Năm phát sinh	Thời gian được chuyển	Tình trạng quyết toán thuế	Chi phí lãi vay	Chi phí lãi vay	Chi phí lãi vay
			đã loại	đã chuyển sang	còn được
			VND	VND	VND
2023	2024 - 2028	Chưa quyết toán	11.009.704.467	-	11.009.704.467
Cộng			11.009.704.467	-	11.009.704.467

Do Công ty chưa dự tính được khi nào được chuyển lãi vay nêu trên nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp này.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	14.924.023.192	18.890.525.502
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	(1.798.378.028)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.924.023.192	17.092.147.474
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	32.185.000	32.185.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	463,69	531,06
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 với số tiền là 1.798.378.028 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 là 586,9 VND/cổ phiếu).

36. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực viễn thông tin học. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	276.040.700.893	346.002.680.093
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	203.273.189.687
Nợ thuần	178.709.098.835	142.729.490.406
Vốn chủ sở hữu	643.078.719.603	662.275.023.367
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,28	0,22

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	-	203.273.189.687	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.009.896.878.193	(2.033.511.114)	703.986.394.620	(1.561.553.315)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	66.374.000.000	(1.802.976.000)	66.374.000.000	(1.609.800.000)
Tài sản tài chính khác	1.486.198.834	-	2.010.111.675	-
Cộng	1.175.088.679.085	(3.836.487.114)	975.643.695.982	(3.171.353.315)
			Giá trị sổ kế toán	
			Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			276.040.700.893	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác			456.681.006.912	356.909.936.327
Chi phí phải trả			11.446.522.719	35.578.080.256
Cộng			744.168.230.524	738.490.696.676

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 6/11/2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

Rủi ro về tỷ giá

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	97.331.602.058	-	-	97.331.602.058
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.009.896.878.193	-	-	1.009.896.878.193
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	115.235.357	1.370.963.477	-	1.486.198.834
Cộng	1.107.343.715.608	67.744.963.477	-	1.175.088.679.085
Vay và nợ	276.040.700.893	-	-	276.040.700.893
Phải trả người bán, phải trả khác	456.309.696.787	371.310.125	-	456.681.006.912
Chi phí phải trả	11.446.522.719	-	-	11.446.522.719
Cộng	743.796.920.399	371.310.125	-	744.168.230.524
Chênh lệch thanh khoản ròng	363.546.795.209	67.373.653.352	-	430.920.448.561
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.273.189.687	-	-	203.273.189.687
Phải thu khách hàng, phải thu khác	703.986.394.620	-	-	703.986.394.620
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	554.046.566	1.456.065.109	-	2.010.111.675
Cộng	907.813.630.873	67.830.065.109	-	975.643.695.982
Vay và nợ	346.002.680.093	-	-	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác	356.131.720.427	778.215.900	-	356.909.936.327
Chi phí phải trả	35.578.080.256	-	-	35.578.080.256
Cộng	737.712.480.776	778.215.900	-	738.490.696.676
Chênh lệch thanh khoản ròng	170.101.150.097	67.051.849.209	-	237.152.999.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 5, 14, 15 và 23, Công ty còn có các giao dịch và số dư chủ yếu với bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng			
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	460.269.450.037	653.447.335.188
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	458.588.503.761	650.225.122.258
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	50.000.000	270.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	1.601.726.276	1.525.907.494
		29.220.000	1.425.805.436
Mua hàng			
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	1.577.840.542	12.748.402.431
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	1.122.199.421	2.968.909.138
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	138.161.587	9.141.246.942
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	182.132.643	392.748.351
		135.346.891	245.498.000
Thu tiền cung cấp hàng hóa - dịch vụ			
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	501.083.360.253	243.100.071.011
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	497.821.552.701	228.925.874.717
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	82.500.000	10.790.129.944
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	1.962.514.058	1.525.386.270
		1.216.793.494	1.858.680.080
Thanh toán tiền mua hàng hóa - dịch vụ			
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	5.433.061.539	57.583.796.879
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	1.576.904.058	299.400.000
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	3.747.119.486	56.537.463.379
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	87.587.995	200.782.620
		21.450.000	546.150.880
Cổ tức đã trả			
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông	10.117.108.000	16.693.228.200
		10.117.108.000	16.693.228.200
Cổ tức nhận được			
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	1.648.188.000	3.340.813.690
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	377.600.000	1.223.166.690
		1.270.588.000	2.117.647.000
	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	704.801.659	683.143.455
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	235.093.367	227.447.663
		469.708.292	455.695.792

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

Thành viên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch HĐQT	854.240.000	915.981.591
Hà Thanh Hải	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	775.040.000	929.427.432
Tô Hoài Văn	Ủy viên HĐQT	623.840.000	749.424.261
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	695.840.000	774.342.885
Nguyễn Đình Du	Trưởng BKS	587.840.000	318.000.000
Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên BKS	505.040.000	603.428.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm (Mã số 21) không bao gồm 770.397.851 VND là số tiền đã thanh toán từ kỳ trước. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm (Mã số 27) không bao gồm 621.789.315 VND là chênh lệch cuối năm đầu năm của Lãi dự thu và cổ tức chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 3.521.067.872 VND là chênh lệch cuối năm đầu năm của Chi phí lãi vay trích trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải trả trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 2.236.986.305 VND là tiền lãi vay phải trả đã bù trừ với số phải thu Công ty Cổ phần Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư với khoản vay Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu Tiền lãi vay đã trả trong năm và Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp.

40. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo các Biên bản họp ngày 28 tháng 5 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện ("Công ty"), các bên đã ghi nhận lỗi phát sinh trong quá trình triển khai Hợp đồng số 03/Viettel-CTIN/2020 là thuộc về Công ty; theo đó, Công ty đã cam kết sửa chữa, khắc phục và hoàn thành trước 31 tháng 3 năm 2022, đồng thời, bồi thường thiệt hại và thanh toán các khoản phạt do chậm giao hàng tại hợp đồng triển khai với các khách hàng khác (nếu có). Đến thời điểm kết thúc năm tài chính, theo Báo cáo tổng hợp dự án có thể còn phát sinh các lỗi chưa khắc phục được hoàn toàn nhưng chưa được các bên xác nhận, nên Công ty có thể sẽ phát sinh các khoản công nợ liên quan đến việc cam kết phục hồi và bồi thường thiệt hại nêu trên.



Lê Thanh Sơn
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Ngọc Sơn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập